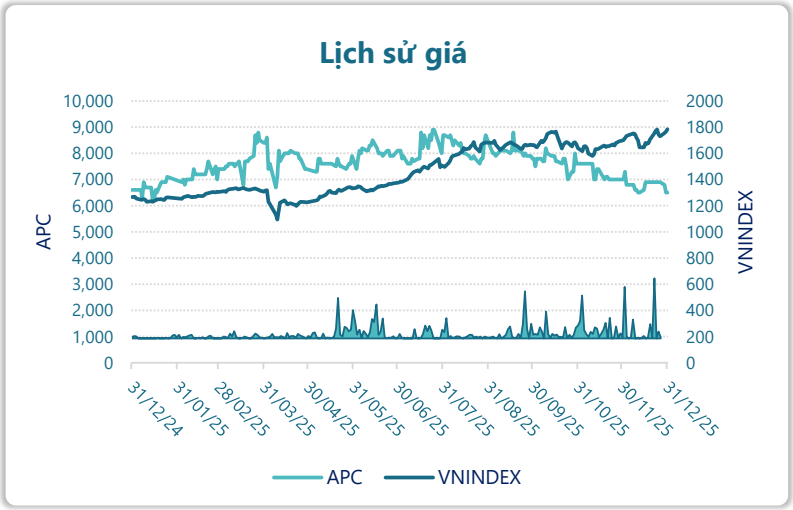
FireAnt

CTCP Chiếu xạ An Phú (UPCOM: APC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
SL cổ phiếu LH	19,905,025
KLGD BQ 20 phiên (CP)	425
% sở hữu nước ngoài	14.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	129
P/E	-4.8
EPS	-1,350

DT thuần

Q4/25

29.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.60| -5.1%

YoY: ▼3.00| -9.2%

LN sau thuế

Q4/25

-8.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.44| -158%

YoY: ▼2.41| -37.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-11.6%

+/- YoY: ▼ 11.2%

DT thuần

2025

115

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.0| -12.1%

LN sau thuế

2025

-26.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00| -28.8%

ROE

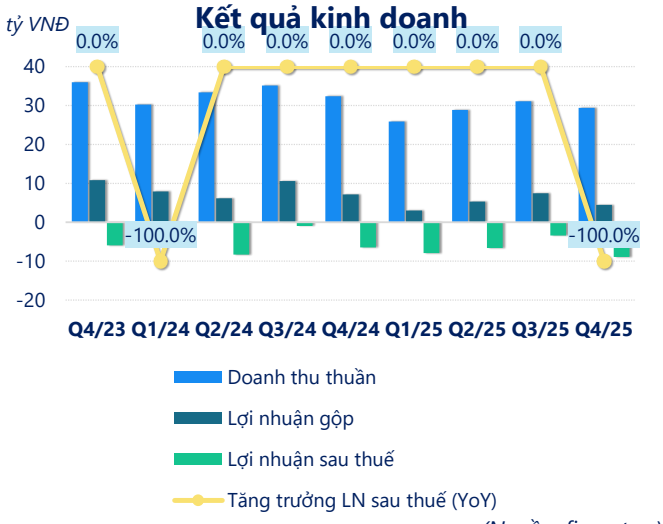
2025

-4.8%

+/- YoY: ▼ 1.2%

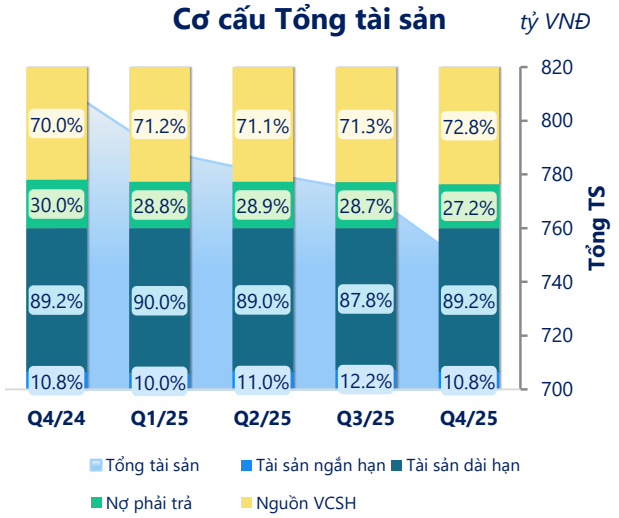
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



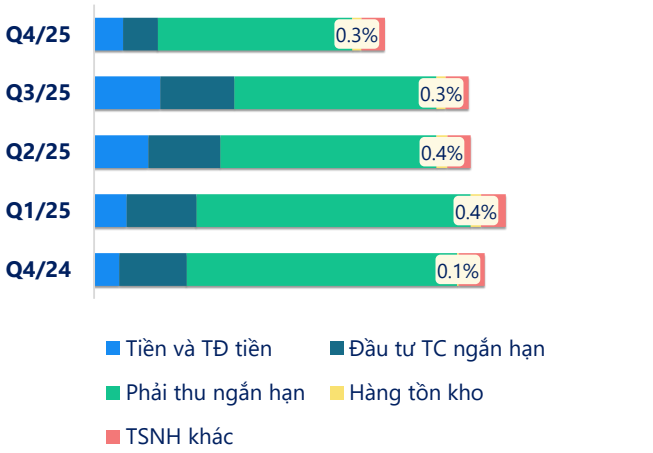
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



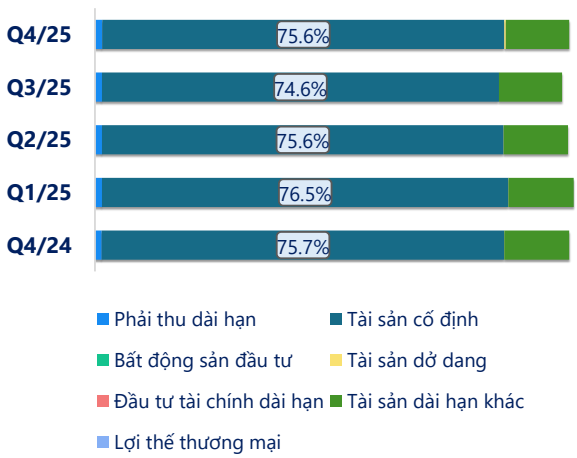
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



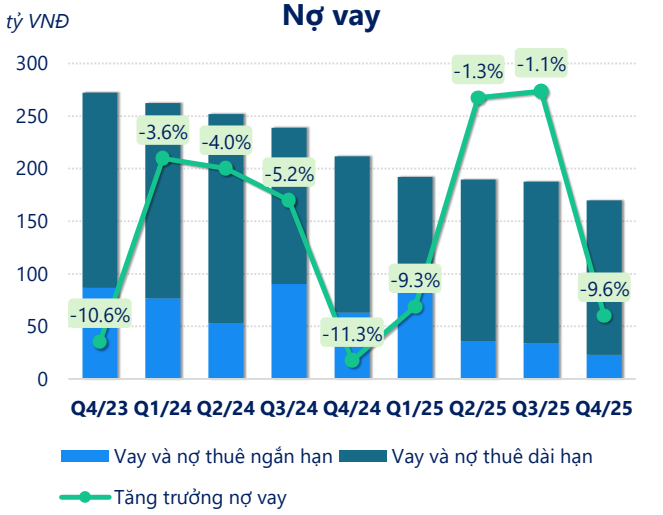
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



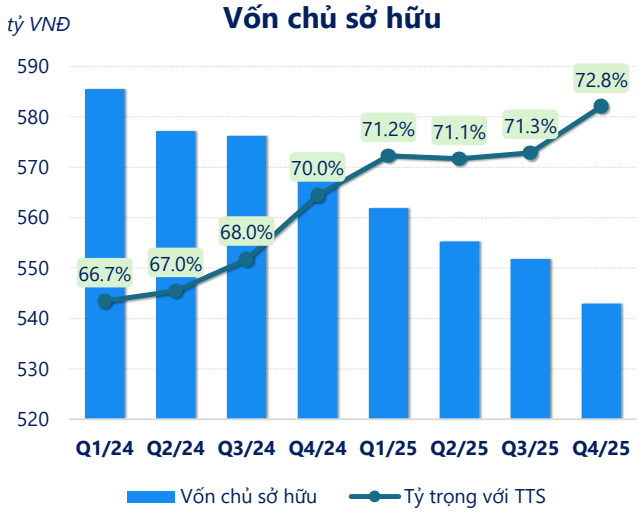
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



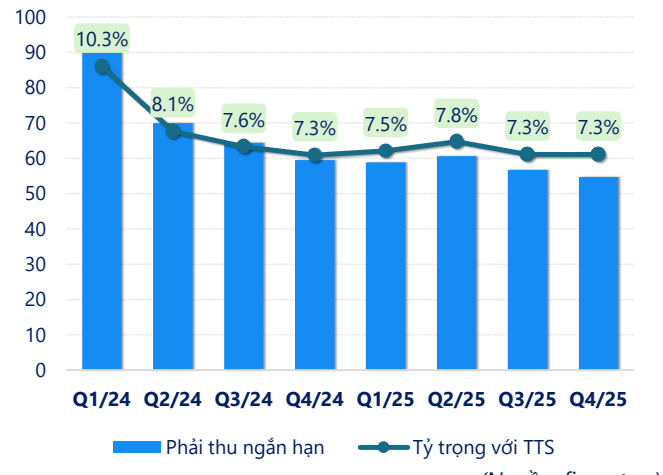
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



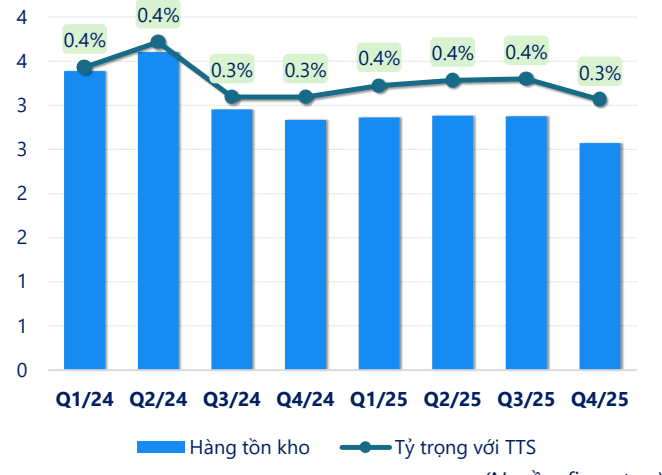
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



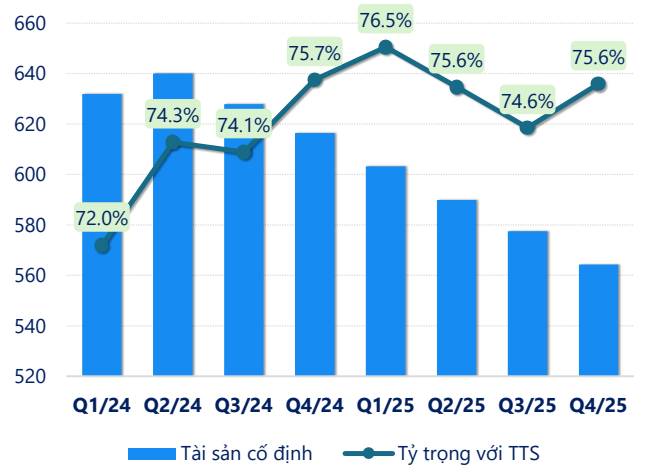
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



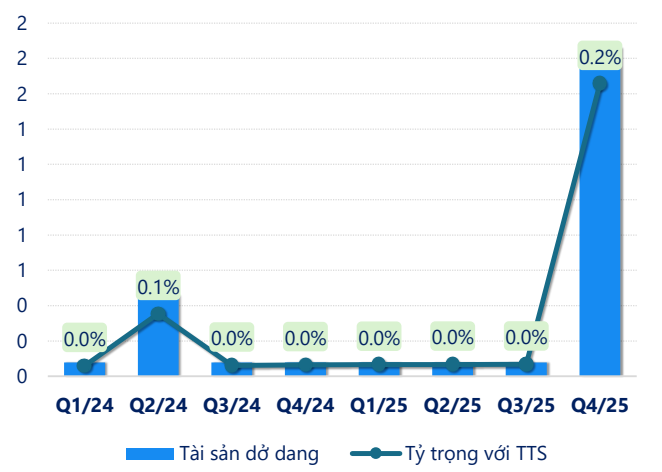
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



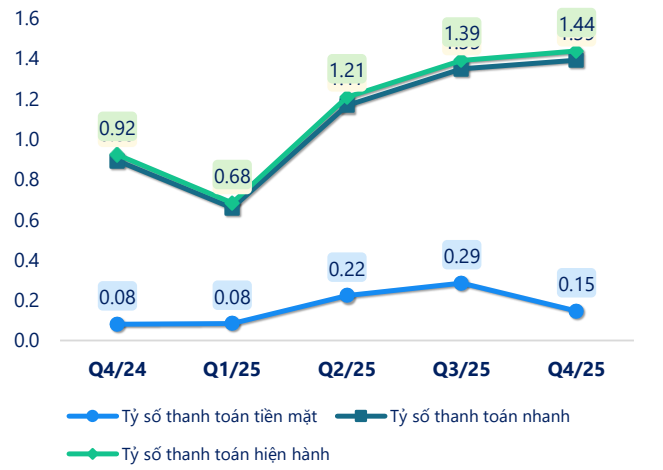
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



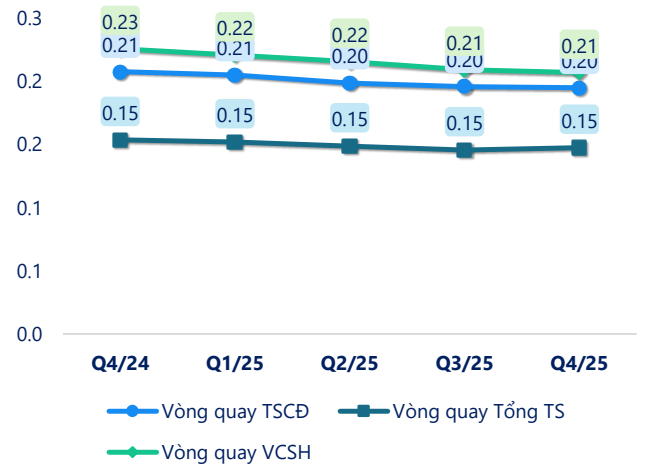
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**814**	**789**	**781**	**774**	**746**
Tài sản ngắn hạn	**87.9**	**78.7**	**86.1**	**94.2**	**80.6**
Tiền và tương đương tiền	7.69	9.66	15.9	19.3	8.17
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.6	0	0	9.58	9.44
Phải thu ngắn hạn	59.5	58.8	60.6	56.7	54.7
Hàng tồn kho	2.83	2.86	2.88	2.87	2.57
Tài sản ngắn hạn khác	7.22	7.33	6.67	5.75	5.75
Tài sản dài hạn	**726**	**710**	**695**	**680**	**666**
Phải thu dài hạn	10.3	10.3	10.3	10.3	10.3
Tài sản cố định	616	603	590	577	564
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.08	0.08	1.85
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	99.4	96.6	94.4	91.7	89.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**244**	**227**	**225**	**222**	**203**
Nợ ngắn hạn	**95.2**	**115**	**71.2**	**67.7**	**56.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.2	80.8	36.0	34.0	23.0
Phải trả người bán ngắn hạn	11.7	11.8	12.8	12.8	13.1
Nợ dài hạn	149	112	154	154	147
Vay và nợ thuê dài hạn	149	111	154	154	147
Nguồn vốn chủ sở hữu	**570**	**562**	**555**	**552**	**543**
Vốn chủ sở hữu	**570**	**562**	**555**	**552**	**543**
Vốn điều lệ	201	201	201	201	201
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)